

Số: 27/2025/TB-MC

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI THAM GIA ĐẦU GIÁ

**Quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư Đồng Cái Ngoài, thôn Toán Ty, xã Thiệu
Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa**

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Công ty Đầu giá Hợp danh Minh Châu;
- Địa chỉ: Số 124 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá:

- UBND huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Thông tin tài sản đấu giá:

- Quyền sử dụng đất gồm 68 lô đất tại Khu dân cư Đồng Cái Ngoài, thôn Toán Ty, xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Thông tin cụ thể của các lô đất như sau:

3.1. Vị trí, diện tích:

*** Vị trí:**

- Phía Bắc giáp: Đất nông nghiệp;
- Phía Nam giáp: Đất nông nghiệp;
- Phía Đông giáp: Đường quy hoạch;
- Phía Tây giáp: Khu dân cư hiện trạng và sản xuất nông nghiệp

* Tổng diện tích đất đưa ra đấu giá: 7.227,25 m², được chia thành 68 lô đất.

- Diện tích từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết kèm theo*

3.2. Giá khởi điểm và hiện trạng của các lô đất đấu giá:

* Giá khởi điểm của từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết kèm theo.*

* Hiện trạng các lô đất đấu giá đã được bồi thường GPMB và đầu tư xây dựng hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật theo MBQH được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: lâu dài.

5. Tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước tham gia đấu giá



5.1. Tiền mua hồ sơ: 100.000 đồng/01 hồ sơ. Giá tiền mua hồ sơ là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (Hồ sơ đã mua không được đổi, trả lại).

5.2. Tiền đặt trước: Từ 105.000.000 đồng đến 149.040.000 đồng/01 lô đất.

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

6.1. Hình thức đấu giá:

- Đấu giá bằng bỏ phiếu kín trực tiếp tại phiên đấu giá. Đấu giá một vòng duy nhất.

6.2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

6.3. Bước giá:

- Trường hợp lô đất tổ chức đấu giá có từ hai người đăng ký tham gia đấu giá trở lên cùng trả giá cao nhất bằng nhau thì đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất (nếu có người đăng ký tham gia đấu giá yêu cầu đấu giá tiếp) và áp dụng bước giá 1% cộng với mức giá trả cao nhất của vòng đấu trước để tổ chức đấu giá.

7. Đối tượng, thành phần hồ sơ, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

7.1. Đối tượng được tham gia đấu giá: Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 119 của Luật Đất đai năm 2024; có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật đất đai năm 2024; Điều 38 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 và khoản 2 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

7.2. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá đã ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh Minh Châu *(có dấu đỏ)*, *(trong đó có thể hiện nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ do cấp có thẩm quyền quy định)*;

- Bản sao Căn cước/Căn cước công dân *(Còn thời hạn)*

- Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật *(nếu có ủy quyền)*.

7.3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Phải nộp đầy đủ hồ sơ tham gia đấu giá và đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại thông báo này.

- Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì mua hồ sơ và nộp tiền đặt trước tương ứng với số lượng lô đất tham gia đấu giá.

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản.

8. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xem tài sản, thu tiền đặt trước, và tổ chức phiên đấu giá:

- Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ *(Trong giờ hành chính)*:

+ Từ 07h00' ngày 30/5/2025 đến 17h00' ngày 12/6/2025 tại Trụ sở UBND xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa

+ Từ 07h00' ngày 30/5/2025 đến 17h00' ngày 13/6/2025 tại Trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Minh Châu

*** Lưu ý: Thời gian kết thúc việc bán và tiếp nhận hồ sơ: 17h00' ngày 13/6/2025**

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 5 năm 2025

PHỤ LỤC

Chi tiết diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư Đồng Cái Ngoài, thôn Toán Ty, xã Thiệu Toán, huyện

Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Thông báo số: 27/2025/TB-MC ngày 29/5/2025

của Công ty Đầu giá Hợp danh Minh Châu)

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Hệ số	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/lô đất)	Tiền hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/lô đất)	Ghi chú
I	Khu CL01							
1	CL01-01	100,50	6.000.000	1,2	603.000.000	100.000	120.600.000	Đầu ve
2	CL01-02	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
3	CL01-03	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
4	CL01-04	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
5	CL01-05	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
6	CL01-06	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
7	CL01-07	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
8	CL01-08	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
9	CL01-09	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
10	CL01-10	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
11	CL01-11	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
12	CL01-12	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
13	CL01-13	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
14	CL01-14	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
15	CL01-15	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
16	CL01-16	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
17	CL01-17	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
18	CL01-18	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
19	CL01-19	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
20	CL01-20	100,50	6.000.000	1,2	603.000.000	100.000	120.600.000	Đầu ve
21	CL01-21	103,50	7.200.000	1,2	745.200.000	100.000	149.040.000	Đầu ve
22	CL01-22	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	

23	CL01-23	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
24	CL01-24	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
25	CL01-25	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
26	CL01-26	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
27	CL01-27	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
28	CL01-28	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
29	CL01-29	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
30	CL01-30	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
31	CL01-31	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
32	CL01-32	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
33	CL01-33	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
34	CL01-34	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
35	CL01-35	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
36	CL01-36	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
37	CL01-37	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
38	CL01-38	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
39	CL01-39	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
40	CL01-40	103,50	7.200.000	1,2	745.200.000	100.000	149.040.000	Đầu ve
II	Khu CL02							
41	CL02-01	100,50	6.000.000	1,2	603.000.000	100.000	120.600.000	Đầu ve
42	CL02-02	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
43	CL02-11	110,25	5.000.000	1,0	551.250.000	100.000	110.250.000	
44	CL02-12	110,20	5.000.000	1,0	551.000.000	100.000	110.200.000	
45	CL02-13	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
46	CL02-14	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
47	CL02-15	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
48	CL02-16	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
49	CL02-17	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
50	CL02-18	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
51	CL02-19	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
52	CL02-20	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
53	CL02-21	105,00	5.000.000	1,0	525.000.000	100.000	105.000.000	
54	CL02-22	100,50	6.000.000	1,2	603.000.000	100.000	120.600.000	Đầu ve
55	CL02-23	103,50	7.200.000	1,2	745.200.000	100.000	149.040.000	Đầu ve
56	CL02-24	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
57	CL02-25	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	

58	CL02-26	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
59	CL02-27	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
60	CL02-28	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
61	CL02-29	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
62	CL02-30	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
63	CL02-31	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
64	CL02-32	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
65	CL02-33	113,40	6.000.000	1,0	680.400.000	100.000	136.080.000	
66	CL02-34	113,40	6.000.000	1,0	680.400.000	100.000	136.080.000	
67	CL02-43	108,00	6.000.000	1,0	648.000.000	100.000	129.600.000	
68	CL02-44	103,50	7.200.000	1,2	745.200.000	100.000	149.040.000	Đầu ve
Tổng 68 lô đất		7.227,25			40.699.850.000		8.139.970.000	